



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 16 tháng 5 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam
Ông Nguyễn Tấn Hòa
Ông Nguyễn Minh Phúc

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Quyền Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 21 tháng 2 năm 2022)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 5 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.




Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam**

Báo cáo soát xét số: 22-01-00195-22-2




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2022

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		14.594.182.156.203	18.655.160.349.585
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	354.992.967.431	492.796.782.190
Tiền	111		332.003.030.923	461.926.662.510
Các khoản tương đương tiền	112		22.989.936.508	30.870.119.680
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.677.933.321	28.003.792.159
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	8.677.933.321	28.003.792.159
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.922.198.969.371	4.534.902.423.539
Phải thu của khách hàng	131	8(a)	1.505.848.165.950	4.323.663.158.680
Trả trước cho người bán	132	9	276.216.306.170	68.897.236.027
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	155.368.373.185	159.191.323.984
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8(c)	(15.233.875.934)	(16.849.295.152)
Hàng tồn kho	140	11	11.627.044.084.383	12.349.095.948.022
Hàng tồn kho	141		11.785.841.147.838	12.555.990.962.429
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(158.797.063.455)	(206.895.014.407)
Tài sản ngắn hạn khác	150		681.268.201.697	1.250.361.403.675
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	152.200.449.004	136.435.025.777
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		528.338.057.194	1.108.616.194.136
Thuế phải thu Nhà nước	153		729.695.499	5.310.183.762

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		7.618.540.046.006	7.962.869.653.354
Các khoản phải thu dài hạn	210		176.754.337.400	179.887.837.400
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	176.754.337.400	179.887.837.400
Tài sản cố định	220		6.215.414.612.107	6.662.061.653.393
Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.003.411.286.958	6.442.809.695.940
Nguyên giá	222		13.796.305.771.804	13.671.862.519.864
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.792.894.484.846)	(7.229.052.823.924)
Tài sản cố định vô hình	227	13	212.003.325.149	219.251.957.453
Nguyên giá	228		294.517.358.918	294.517.358.918
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.514.033.769)	(75.265.401.465)
Tài sản dở dang dài hạn	240		739.385.289.750	660.329.384.725
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	739.385.289.750	660.329.384.725
Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	17.000.000.000	17.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		469.985.806.749	443.590.777.836
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	281.076.743.353	263.776.212.655
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	188.909.063.396	179.814.565.181
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.212.722.202.209	26.618.030.002.939

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.707.602.410.239	15.786.236.174.085
Nợ ngắn hạn	310		10.342.722.197.919	14.372.246.601.418
Phải trả người bán	311	17	2.297.717.962.174	4.293.881.185.244
Người mua trả tiền trước	312		418.671.210.885	268.020.163.980
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	175.017.756.516	346.182.368.564
Phải trả người lao động	314		79.562.789.489	79.744.676.730
Chi phí phải trả	315	19	373.296.612.013	298.559.691.259
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	43.207.161.984	3.574.141.589.235
Vay ngắn hạn	320	21(a)	6.721.489.365.366	5.436.688.415.777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	233.759.339.492	75.028.510.629
Nợ dài hạn	330		364.880.212.320	1.413.989.572.667
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay dài hạn	338	21(b)	349.461.944.323	1.399.362.118.340
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	14.708.767.997	13.917.954.327
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.505.119.791.970	10.831.793.828.854
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.505.119.791.970	10.831.793.828.854
Vốn cổ phần	411	25	4.934.818.960.000	4.934.818.960.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.934.818.960.000	4.934.818.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		236.507.664.127	90.695.201.265
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.160.591.350.474	5.633.071.186.571
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.287.565.210.436	1.383.841.163.863
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		873.026.140.038	4.249.230.022.708
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.909.278.301	15.915.941.950
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		22.212.722.202.209	26.618.030.002.939

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	29.703.689.255.011	20.028.958.844.684
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	109.407.030.612	83.378.875.717
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	29.594.282.224.399	19.945.579.968.967
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	26.041.753.716.713	16.492.762.697.265
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.552.528.507.686	3.452.817.271.702
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	125.277.845.765	78.929.936.475
Chi phí tài chính	22	30	190.915.130.323	239.797.898.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		127.478.392.030	168.923.926.578
Chi phí bán hàng	25	31	2.153.804.057.868	1.242.991.877.075
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	303.086.766.250	174.686.778.903
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.030.000.399.010	1.874.270.654.054
Thu nhập khác	31		16.284.870.476	10.631.326.599
Chi phí khác	32		2.453.998.117	3.593.386.989
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13.830.872.359	7.037.939.610
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.043.831.271.369	1.881.308.593.664
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	179.906.293.195	240.658.065.865
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(9.094.498.215)	(29.959.794.198)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		873.019.476.389	1.670.610.321.997

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		873.019.476.389	1.670.610.321.997
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		873.026.140.038	1.670.622.578.164
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.663.649)	(12.256.167)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.698	3.610

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.043.831.271.369	1.881.308.593.664
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		581.033.394.433	598.025.508.111
Các khoản dự phòng	03		(47.416.792.737)	24.044.986.557
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.270.065.379	(3.866.669.833)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.217.773.187)	(1.325.911.873)
Chi phí lãi vay	06		127.478.392.030	168.923.926.578
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.698.978.557.287	2.667.110.433.204
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		3.222.328.662.197	(1.051.503.735.717)
Biến động hàng tồn kho	10		770.149.814.591	(3.562.501.174.117)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.399.725.273.359)	4.064.251.318.957
Biến động chi phí trả trước	12		(16.031.090.611)	39.232.610.051
			275.700.670.105	2.156.589.452.378
Tiền lãi vay đã trả	14		(133.244.384.672)	(168.057.989.433)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(302.615.781.690)	(216.920.588.286)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(40.962.684.410)	(49.298.354.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(201.122.180.667)	1.722.312.519.897

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(201.348.979.290)	(160.211.949.114)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.819.595.312	2.053.796.057
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(7.985.738.000)
Tiền chi cho vay	23		-	(14.446.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		19.325.858.838	5.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi các khoản đầu tư tài chính	27		7.289.952.791	2.438.700.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(170.913.572.349)	(173.151.190.995)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận góp vốn vào công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32		-	14.446.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		20.593.411.934.649	15.845.477.555.616
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.385.786.344.056)	(17.228.879.370.313)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(60.381.309.809)
Tiền trả cổ tức	36		(6.128.500)	(170.543.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		207.619.462.093	(1.429.507.668.106)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(164.416.290.923)	119.653.660.796
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		492.796.782.190	574.767.066.704
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		26.612.476.164	20.440.447.502
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	354.992.967.431	714.861.175.002

Ngày 25 tháng 5 năm 2022


Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Tuyền
 Kế toán

Người duyệt


 Nguyễn Thị Ngọc Lan
 Kế toán trưởng




 Trần Quốc Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn có 9 công ty con, 1 công ty liên kết (1/10/2021: 9 công ty con, 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết 31/3/2022 1/10/2021	
Công ty con			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen)	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
Công ty liên kết			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn có 7.922 nhân viên (1/10/2021: 7.584 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng bao gồm tiền chi ra cho việc san lấp mặt bằng tiền xây dựng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 49 năm 8 tháng.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê trả trước bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, vật liệu xây dựng và các sản phẩm liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 và ngày 1 tháng 10 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 và ngày 31 tháng 3 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Kỳ sáu tháng kết thúc			
ngày 31 tháng 3 năm 2022			
Doanh thu thuần	13.449.591.349.443	16.144.690.874.956	29.594.282.224.399
Giá vốn	(11.804.746.662.992)	(14.237.007.053.721)	(26.041.753.716.713)
	1.644.844.686.451	1.907.683.821.235	3.552.528.507.686
Kỳ sáu tháng kết thúc			
ngày 31 tháng 3 năm 2021			
Doanh thu thuần	9.867.401.377.828	10.078.178.591.139	19.945.579.968.967
Giá vốn	(7.220.922.133.279)	(9.271.840.563.986)	(16.492.762.697.265)
	2.646.479.244.549	806.338.027.153	3.452.817.271.702

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Tiền mặt	13.684.751.980	14.457.442.293
Tiền gửi ngân hàng	317.869.630.330	447.299.736.438
Tiền đang chuyển	448.648.613	169.483.779
Các khoản tương đương tiền (*)	22.989.936.508	30.870.119.680
	354.992.967.431	492.796.782.190

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 2,9% đến 3,5% (1/10/2021: từ 3,0% đến 4,0%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, khoản tiền gửi với số dư là 22.990 triệu VND (1/10/2021: 30.870 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4% đến 4,9% (1/10/2021: từ 3,7% đến 4,9%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, khoản tiền gửi với số dư lần lượt là 3.132 triệu VND và 546 triệu VND (1/10/2021: 4.472 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	17.000.000.000	17.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/3/2022		1/10/2021		
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (*)	49%	-	-	-	-

(*) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	283.642.660.860	-
Duferco Sa	48.624.291.072	579.108.806.311
Posco International Corporation	-	439.530.448.796
Hanwa Co., Ltd – Nagoya Branch	-	641.244.798.681
Các khách hàng khác	1.173.581.214.018	2.663.779.104.892
	1.505.848.165.950	4.323.663.158.680

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	283.642.660.860	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	84.700.000	51.333.808
	368.342.660.860	51.333.808

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/3/2022				1/10/2021			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương	Từ 3 – 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	Từ 3 – 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Mại Xây Dựng Mê Kông	Trên 5 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 5 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	Từ 2 – 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Từ 2 – 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng	Trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Hiệp Loan	Từ 2 đến trên 5 năm	9.773.264.473	(9.773.264.473)	-	Từ 2 đến trên 5 năm	11.388.683.691	(11.388.683.691)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái								
Các khách hàng khác								
		15.233.875.934	(15.233.875.934)	-		16.849.295.152	(16.849.295.152)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Số dư đầu kỳ	16.849.295.152	25.697.687.528
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(109.655.455)	(157.631.521)
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.505.763.763)	-
Số dư cuối kỳ	15.233.875.934	25.540.056.007

9. Trả trước cho người bán

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	65.131.090.090	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thép VAS Việt Mỹ	64.805.776.365	-
Các nhà cung cấp khác	146.279.439.715	68.897.236.027
	276.216.306.170	68.897.236.027

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Tạm ứng cho người lao động	33.941.834.493	35.631.264.951
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Tạm ứng bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	34.620.130.753	38.929.346.750
Phải thu khác	8.525.407.939	6.349.712.283
	155.368.373.185	159.191.323.984

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.548.000.000	1.470.000.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu khác từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	175.754.337.400	178.887.837.400
Phải thu khác	1.000.000.000	1.000.000.000
	176.754.337.400	179.887.837.400

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	31/3/2022		1/10/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	682.997.344.312	-	1.105.140.612.021	-
Nguyên vật liệu	5.306.191.345.939	(22.357.428.384)	4.603.302.420.591	(29.198.980.627)
Công cụ và dụng cụ	601.777.917.883	-	554.815.549.339	-
Thành phẩm	3.315.105.167.514	(122.005.167.795)	4.068.877.356.961	(167.365.717.233)
Hàng hóa	1.879.769.372.190	(14.434.467.276)	2.223.855.023.517	(10.330.316.547)
	11.785.841.147.838	(158.797.063.455)	12.555.990.962.429	(206.895.014.407)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 5.292.078 triệu VND (1/10/2021: 8.449.472 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Số dư đầu kỳ	206.895.014.407	45.033.969.069
Dự phòng trích lập trong kỳ	4.104.150.729	20.991.418.078
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(52.202.101.681)	-
Số dư cuối kỳ	158.797.063.455	66.025.387.147

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.544.183.265.230	10.533.618.286.279	479.413.547.512	87.597.045.920	27.050.374.923	13.671.862.519.864
Tăng trong kỳ	375.444.180	38.205.509.216	2.013.390.000	-	-	40.594.343.396
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	66.291.703.569	25.615.738.035	4.776.343.063	-	-	96.683.784.667
Thanh lý	-	(9.721.169.925)	(1.490.411.943)	-	-	(11.211.581.868)
Xóa sổ	(299.916.575)	(1.323.377.680)	-	-	-	(1.623.294.255)
Số dư cuối kỳ	2.610.550.496.404	10.586.394.985.925	484.712.868.632	87.597.045.920	27.050.374.923	13.796.305.771.804
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	816.565.666.987	6.011.871.404.702	320.794.574.143	57.152.377.505	22.668.800.587	7.229.052.823.924
Khấu hao trong kỳ	62.291.287.697	478.457.225.126	27.370.744.978	5.362.232.113	303.272.215	573.784.762.129
Thanh lý	-	(6.835.571.430)	(1.490.411.943)	-	-	(8.325.983.373)
Xóa sổ	(299.916.575)	(1.317.201.259)	-	-	-	(1.617.117.834)
Số dư cuối kỳ	878.557.038.109	6.482.175.857.139	346.674.907.178	62.514.609.618	22.972.072.802	7.792.894.484.846
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.727.617.598.243	4.521.746.881.577	158.618.973.369	30.444.668.415	4.381.574.336	6.442.809.695.940
Số dư cuối kỳ	1.731.993.458.295	4.104.219.128.786	138.037.961.454	25.082.436.302	4.078.302.121	6.003.411.286.958

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.870.103 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 (1/10/2021: 1.700.044 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.509.269 triệu VND (1/10/2021: 5.317.975 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	235.025.409.765	59.491.949.153	294.517.358.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	44.524.503.020	30.740.898.445	75.265.401.465
Khấu hao trong kỳ	1.722.253.117	5.526.379.187	7.248.632.304
Số dư cuối kỳ	46.246.756.137	36.267.277.632	82.514.033.769
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	190.500.906.745	28.751.050.708	219.251.957.453
Số dư cuối kỳ	188.778.653.628	23.224.671.521	212.003.325.149

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 456 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 (1/10/2021: 456 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 86.888 triệu VND (1/10/2021: 88.587 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Số dư đầu kỳ	660.329.384.725	575.955.787.725
Tăng trong kỳ	192.774.553.006	115.028.373.539
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(96.683.784.667)	(135.765.029.674)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(515.157.275)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(16.519.706.039)	(2.597.589.214)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	739.385.289.750	552.621.542.376

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	57.615.564.074	35.679.907.327
Chi phí xây dựng và nâng cấp dự án Hoa Sen Home	216.668.865.183	169.750.990.485
Chi phí xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	376.421.262.545	368.688.188.434
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	11.500.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	5.430.629.437	7.669.310.346
Các công trình khác	32.954.896.511	28.246.916.133
	<hr/>	<hr/>
	739.385.289.750	660.329.384.725

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2.615 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2021: 11.620 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Chi phí thuê trả trước	76.770.182.661	61.118.651.512
Công cụ và dụng cụ	39.262.216.325	47.490.066.391
Chi phí quảng cáo	12.458.130.995	4.977.085.978
Chi phí sửa chữa	7.706.656.893	5.401.342.918
Phí bảo hiểm	1.968.402.194	2.708.146.140
Chi phí tư vấn	975.919.978	430.991.668
Chi phí khác	13.058.939.958	14.308.741.170
	152.200.449.004	136.435.025.777

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	81.840.077.672	82.143.471.550
Chi phí san lấp mặt bằng	74.084.183.934	74.922.871.392
Chi phí thuê trả trước	54.963.950.523	49.633.658.164
Chi phí sửa chữa	25.714.341.213	19.284.076.785
Bảng hiệu quảng cáo	22.049.726.080	15.059.349.254
Chi phí khác	22.424.463.931	22.732.785.510
	281.076.743.353	263.776.212.655

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	263.776.212.655	272.734.770.282
Tăng trong kỳ	54.659.672.203	26.367.125.322
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(173.643.592)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.519.706.039	2.597.589.214
Phân bổ trong kỳ	(53.835.928.621)	(65.536.604.736)
Thanh lý	(42.918.923)	(2.049.635.379)
	281.076.743.353	233.939.601.111

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	88.679.627.350	80.651.828.368
▪ Chi phí phải trả	84.966.672.892	74.249.427.448
▪ Các khoản dự phòng	15.262.763.154	24.913.309.365
	188.909.063.396	179.814.565.181

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/3/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	512.343.866.870	1.779.225.472.530
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	401.694.977.394	622.557.774.639
Xiamen ITG Group Corp., LTD.	-	630.195.444.218
Các nhà cung cấp khác	1.383.679.117.910	1.261.902.493.857
	2.297.717.962.174	4.293.881.185.244

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/3/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/10/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	2.701.728.628	8.280.625.262
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	11.486.572.506	6.872.127.178

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số phân loại lại VND	31/3/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	172.833.692.038	7.213.199.108.060	(668.038.176.335)	(6.587.772.483.093)	-	130.222.140.670
Thuế xuất nhập khẩu	165.867.784	1.395.878.911	(1.552.548.116)	-	-	9.198.579
Thuế thu nhập doanh nghiệp	171.530.100.652	179.906.293.195	(302.615.781.690)	(5.296.564.045)	-	43.524.048.112
Thuế thu nhập cá nhân	1.563.187.370	27.355.250.463	(26.444.310.576)	(1.942.350.001)	729.695.499	1.261.472.755
Thuế khác	89.520.720	1.870.379.208	(1.959.003.528)	-	-	896.400
	346.182.368.564	7.423.726.909.837	(1.000.609.820.245)	(6.595.011.397.139)	729.695.499	175.017.756.516

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Chi phí lương và thưởng	224.560.911.703	211.122.463.563
Chi phí vận chuyển	62.651.476.042	43.680.114.673
Chi phí du lịch	33.176.000.000	-
Chi phí khuyến mãi	23.437.049.688	-
Xây dựng cơ bản dở dang	9.237.923.827	13.331.759.284
Chi phí lãi vay	5.062.888.560	10.828.881.202
Chi phí dự phòng thuế	-	5.543.056.774
Chi phí tiền điện	885.395.858	643.394.816
Chi phí khác	14.284.966.335	13.410.020.947
	373.296.612.013	298.559.691.259

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	-	3.503.256.652.175
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	4.961.601.782	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	18.650.928.711	54.628.952.727
Cổ tức phải trả	3.934.061.977	3.940.190.477
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.468.585.480	1.270.131.710
Phải trả khác	14.191.984.034	11.045.662.146
	43.207.161.984	3.574.141.589.235

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nghệ An và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành với kỳ hạn trả chậm từ 90 ngày đến 120 ngày. Đến ngày đáo hạn, nếu Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự động chuyển đổi thành các khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/10/2021		Biến động trong kỳ		31/3/2022
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	
Vay ngắn hạn	4.829.888.415.777	20.593.411.934.649	(19.213.086.170.039)	27.275.184.979	6.237.489.365.366
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	606.800.000.000	870.000.000.000	(992.800.000.000)	-	484.000.000.000
	5.436.688.415.777	21.463.411.934.649	(20.205.886.170.039)	27.275.184.979	6.721.489.365.366

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	956.129.681.487	75.643.458.480
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	1.407.618.753.168	777.548.744.645
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	-	60.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	1.929.983.021.970	1.453.181.080.932
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	-	347.681.380.658
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	1.217.216.431.051	1.186.536.814.890
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(v)	VND	-	56.000.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	VND	259.784.574.537	34.366.092.843
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	USD	-	384.498.035.750
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	VND	29.282.750.320	66.934.425.013
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	134.656.820.082	60.626.701.580
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	USD	-	73.836.076.658
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(ix)	VND	-	8.440.160.000
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(x)	VND	-	67.617.983.015
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	VND	-	75.695.575.053
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xi)	USD	189.536.036.054	101.281.886.260
▪ Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xii)	USD	113.281.296.697	-
			6.237.489.365.366	4.829.888.415.777

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất		Tài sản đảm bảo
			31/3/2022	1/10/2021	
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	4.000 tỷ VND	3,30% 1,30%	3,50% 1,50% - 2,00%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.397 tỷ VND	- 1,20%	3,50% 1,30%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa và vật kiến trúc
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	-	3,50% - 3,80%	Máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	3,0% - 3,2%	3,35%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con
v. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	-	3,30%	Không có tài sản đảm bảo
vi. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	12 triệu USD	3,0% - 3,90% -	3,00% 1,60%	Hàng tồn kho
vii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	3 triệu USD	3,10%	3,00%	Hàng tồn kho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	31/3/2022	Lãi suất	1/10/2021	Tài sản đảm bảo
viii. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	4.6 triệu USD	3,10%	3,20%	3,30%	Hàng tồn kho 1,40%
ix. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	200 tỷ VND	-	3,10%	4,40%	Tài sản cố định và hàng tồn kho
xi. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	500 tỷ VND	-	3,90%		Không có tài sản đảm bảo
xii. Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	15 triệu USD	1,35%	-	3,60%	Không có tài sản đảm bảo 1,50%
xiii. Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	USD	10 triệu USD	1,22%	1,60%	-	Hàng tồn kho

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/3/2022	1/10/2021
	VND	VND
Vay dài hạn	833.461.944.323	2.006.162.118.340
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(484.000.000.000)	(606.800.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	349.461.944.323	1.399.362.118.340

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2022	1/10/2021
				VND	VND
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương ▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái ▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương ▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu 	(i)	VND	2021 – 2024	719.211.274.881	1.589.211.274.881
		VND	2025 – 2026	-	43.143.626.357
		VND	2022 – 2023	-	167.056.547.660
		VND	2024	114.250.669.442	206.750.669.442
				833.461.944.323	2.006.162.118.340

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2021: 7,6%).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm từ 7,7% đến 9,1% (1/10/2021: từ 8,2% đến 9,2%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Số dư đầu kỳ	75.028.510.629	43.062.695.661
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 24)	172.540.289.352	46.120.560.692
Sử dụng quỹ trong kỳ	(13.809.460.489)	(3.625.679.057)
Số dư cuối kỳ	233.759.339.492	85.557.577.296

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Số dư đầu kỳ	13.917.954.327	10.555.313.816
Trích lập dự phòng trong kỳ	790.813.670	3.211.200.000
Số dư cuối kỳ	14.708.767.997	13.766.513.816

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày							
1 tháng 10 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	1.954.018.045.161	6.620.370.817	6.590.738.511.323
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.670.622.578.164	(12.256.167)	1.670.610.321.997
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46.120.560.692)	-	(46.120.560.692)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	40.355.490.606	(40.355.490.606)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(45.672.675.705)	-	-	(45.672.675.705)
Trích thưởng hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	(39.134.000.000)	-	(39.134.000.000)
Vốn góp vào công ty con	-	-	-	-	-	14.446.000.000	14.446.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	17.437.946	17.437.946
Số dư tại ngày							
31 tháng 3 năm 2021	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	30.218.596.725	3.499.030.572.027	21.071.552.596	8.144.885.034.869
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.642.884.655.619	(915.357)	2.642.883.740.262
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	444.566.830.000	-	-	-	(444.566.830.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	44.000.000.000	-	-	-	-	-	44.000.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	5.709.355.547	3.271.000.000	-	-	-	8.980.355.547
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	64.277.211.075	(64.277.211.075)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(3.800.606.535)	-	-	(3.800.606.535)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(5.154.695.289)	(5.154.695.289)
Số dư tại ngày							
30 tháng 9 năm 2021	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	5.633.071.186.571	15.915.941.950	10.831.793.828.854
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	873.026.140.038	(6.663.649)	873.019.476.389
Phân bổ vào quỹ (i)	-	-	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(172.540.289.352)	-	(172.540.289.352)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(27.153.223.921)	-	-	(27.153.223.921)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2022	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	236.507.664.127	6.160.591.350.474	15.909.278.301	11.505.119.791.970

(i) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã trích lập 172.966 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021: theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 40.356 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2022		1/10/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	493.481.896	4.934.818.960.000	493.481.896	4.934.818.960.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	493.481.896	4.934.818.960.000	493.481.896	4.934.818.960.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Trong vòng một năm	192.311.193.398	183.481.962.474
Từ hai đến năm năm	712.922.073.784	691.377.536.840
Trên năm năm	717.878.445.292	693.964.700.288
	1.623.111.712.474	1.568.824.199.602

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/3/2022		1/10/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.738.640	107.514.810.153	10.572.802	239.562.452.177

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

	31/3/2022 VND	1/10/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	301.972.888.833	135.317.792.924

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	13.448.371.121.487	10.063.472.719.679
▪ Bán hàng hóa	16.245.271.933.691	9.957.262.518.747
▪ Doanh thu khác	10.046.199.833	8.223.606.258
	29.703.689.255.011	20.028.958.844.684
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	97.634.194.928	73.605.831.524
▪ Hàng bán bị trả lại	9.631.108.120	9.011.599.349
▪ Giảm giá hàng bán	2.141.727.564	761.444.844
	109.407.030.612	83.378.875.717
Doanh thu thuần	29.594.282.224.399	19.945.579.968.967

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	11.274.934.732.582	7.610.846.090.232
▪ Hàng hóa đã bán	14.811.545.730.274	8.859.391.170.530
▪ Giá vốn khác	3.371.204.809	1.534.018.425
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	(48.097.950.952)	20.991.418.078
	26.041.753.716.713	16.492.762.697.265

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.262.452.791	833.700.062
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.027.500.000	1.605.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.841.018.754	72.362.230.484
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.866.669.833
Doanh thu tài chính khác	1.146.874.220	262.336.096
	125.277.845.765	78.929.936.475

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	127.478.392.030	168.923.926.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.067.810.008	70.502.771.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.270.065.379	-
Chi phí tài chính khác	98.862.906	371.200.117
	190.915.130.323	239.797.898.145

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Chi phí xuất khẩu	1.143.379.538.700	540.621.418.158
Chi phí nhân viên	458.935.402.422	223.550.181.869
Chi phí vận chuyển nội địa	180.231.800.792	150.262.283.925
Chi phí khấu hao và phân bổ	81.262.743.928	83.228.588.860
Chi phí thuê	95.633.717.602	78.913.647.326
Chi phí quảng cáo	37.200.799.740	37.504.730.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.700.081.813	33.698.233.623
Chi phí khác	118.459.972.871	95.212.792.393
	2.153.804.057.868	1.242.991.877.075

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	117.616.722.735	50.856.537.608
Chi phí khấu hao và phân bổ	31.846.862.558	30.808.096.500
Chi phí thuê	13.410.771.789	13.740.027.291
Chi phí tiếp khách	8.358.955.902	10.004.327.596
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.149.887.470	5.133.040.999
Chi phí công tác	1.753.260.270	3.279.591.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.128.278.091	22.703.181.065
Chi phí quản lý khác	65.822.027.435	38.161.975.896
	<hr/>	<hr/>
	303.086.766.250	174.686.778.903
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	23.113.227.211.644	16.020.121.761.972
Chi phí nhân công và nhân viên	731.183.447.731	407.151.669.967
Chi phí khấu hao và phân bổ	581.033.394.433	598.025.508.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.958.474.047.862	1.352.778.949.075
Chi phí khác	587.073.886.123	469.909.914.498
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	179.906.293.195	239.173.259.749
Dự phòng thiếu năm trước	-	1.484.806.116
	<hr/>	<hr/>
	179.906.293.195	240.658.065.865
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(9.094.498.215)	(29.959.794.198)
	<hr/>	<hr/>
	170.811.794.980	210.698.271.667

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.043.831.271.369	1.881.308.593.664
Thuế theo thuế suất của Công ty	208.766.254.275	376.261.718.733
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(26.432.410.093)	(62.394.468.143)
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.942.729.928	5.969.748.992
Ưu đãi thuế	(21.573.520.109)	(50.256.487.117)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	108.740.979	49.024.668
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(5.905.889.699)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.484.806.116
Sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận trước đây	-	(54.510.181.883)
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	170.811.794.980	210.698.271.667

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014 – 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 – 2019).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2016 – 2019) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2020 – 2028).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 15 năm kể từ khi công ty này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2022) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (2023 – 2031).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2019 – 2020) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2021 – 2024).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 17% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2020 – 2021) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2022 – 2025).
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 và ngày 31 tháng 3 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	873.026.140.038	1.670.622.578.164
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(34.921.045.602)	(66.824.903.127)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	838.105.094.436	1.603.797.675.037

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong kỳ của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 và ngày 31 tháng 3 năm 2021.

	31/3/2022 Số cổ phiếu	31/3/2021 Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	493.481.896	444.298.113

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022 VND	31/3/2021 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.698	3.610

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.565.540.298.792	1.792.202.001.459
Mua hàng hóa và thành phẩm	210.468.400	26.548.182
Doanh thu cho thuê tài sản	1.743.176.172	1.743.176.172
Bán khác	174.857.968	79.947.280
Bán tài sản cố định	278.700.000	209.025.000
Chiết khấu thương mại	22.686.404.183	21.586.238.060
Hàng bán bị trả lại	2.879.278.206	4.397.761.645
Chi phí vận chuyển	35.251.159.727	34.900.781.902
Thuê hoạt động	6.608.763.636	5.817.436.362
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An		
Chi phí vận chuyển	31.102.809.848	24.525.883.902
Doanh thu cho thuê tài sản	115.500.000	108.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	252.000.000	252.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	564.000.000	564.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	294.000.000	294.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	150.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	180.000.000	160.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	150.000.000	140.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	1.400.795.124	7.232.740.700
Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	8.504.081.728	33.605.528.114

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2022	31/3/2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	53.458.175.161	32.194.223.576
Trả trước tiền mua tài sản cố định	21.438.258.049	-

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 và trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc